TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-ST

Ngày: 15 tháng 10 năm 2019

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phan Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Truyền Bình**

2. Bà **Lê Lâm Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng**

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐST - DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; Trụ sở tại: đường A, phường B, quận 3, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: đường D, phường E, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 2343/2018/UQ-TTT ngày 27/12/2018), *có mặt*.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy H** - sinh năm 1983; Địa chỉ: 351/4B đường V, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt lần 2*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 09/8/2012 Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Duy H có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài

liệu này gọi chung là Hợp đồng); Hạn mức tín dụng mong muốn là 10.000.000đ. Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.500.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 30/4/2014 ông H đã thanh toán cho ngân hàng nhiều lần với số tiền là 13.600.000đ. Từ ngày 01/5/2014, qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/5/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 15/10/2019, ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 39.378.667 đồng, trong đó nợ gốc là 11.275.231 đồng và nợ lãi quá hạn là 28.103.436 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Duy H phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa nhiều lần đối với ông Nguyễn Duy H để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng ông H vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

Ngày 09/8/2012, Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Duy H ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Hạn mức tín dụng mong muốn là 10.000.000đ. Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ; Mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình kích hoạt và sử dụng thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.500.000đ, thanh toán cho ngân hàng nhiều lần với số tiền là 13.600.000đ. Từ ngày 01/5/2014, ông H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả tổng số tiền: 39.378.667 đồng, trong đó nợ gốc là 11.275.231 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 15/10/2019 là 28.103.436 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 30/4/2014 ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 10 lần với tổng số tiền 13.600.000 đồng. Kể từ ngày 01/5/2014 cho đến nay ông H không thanh

toán cho Ngân hàng nữa, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán qui định tại Điều 23 trong Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Duy H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 39.378.667 đồng, trong đó nợ gốc là 11.275.231 đồng và nợ lãi tính đến ngày 15/10/2019 là 28.103.436 đồng là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng, Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí

Án phí DS - ST ông Nguyễn Duy H phải chịu theo qui định của pháp luật là: 39.378.667đ x 5% = 1.968.933đ.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng TMCP S đã nộp là: 881.580đ theo biên lai thu số 6873 ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 466 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Nguyễn Duy H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 39.378.667 đồng (nợ gốc là 11.275.231 đồng và nợ lãi là 28.103.436 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Duy H.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Duy H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 39.378.667 đồng, trong đó nợ gốc là 11.275.231 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 15/10/2019 là 28.103.436 đồng.

Lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 16/10/2019, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/8/2012 cho đến khi thanh toán dứt điểm số tiền nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí DS - ST ông Nguyễn Duy H phải chịu: 1.968.933đ.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho Ngân hàng TMCP S đã nộp là: 881.580đ theo biên lai thu số 6873 ngày 07/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Huệ